ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NGHI DƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 05/CTr-UBND	*Nghi Dương, ngày 06 tháng 3 năm 2026*

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
Thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội lần thứ nhất Đảng bộ thành phố và Nghị quyết Đại hội lần thứ nhất Đảng bộ xã, nhiệm kỳ 2025-2030

Quán triệt Nghị quyết Đại hội lần thứ nhất Đảng bộ thành phố; Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ xã lần thứ I; Chương trình hành động số 10-CTr/ĐU ngày 02/10/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã; căn cứ đặc điểm tình hình và điều kiện thực tế của xã, Ủy ban nhân dân xã xây dựng Chương trình hành động để tổ chức thực hiện như sau:

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU - CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ

1. Mục đích, yêu cầu:

Quán triệt và triển khai cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội lần thứ nhất Đảng bộ thành phố và Nghị quyết Đại hội lần thứ nhất Đảng bộ xã, nhiệm kỳ 2025-2030, đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ, gắn với nâng cao năng lực quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân xã.

Gắn việc triển khai thực hiện các Nghị quyết với thực hiện Nghị quyết 45-NQ/TW, ngày 24/10/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, cụ thể là Chương trình hành động số 76-CTr/TU, ngày 08/7/2019 của Ban Thường vụ Thành ủy; Nghị quyết số 35/2021/QH15 của Quốc hội: Về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng; Nghị quyết số 226/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng; Chương trình hành động số 10-CTr/ĐU ngày 02/10/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2025- 2030;

- Bám sát mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh mà Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ xã lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 đề ra, xây dựng lộ trình thực hiện đến năm 2030 bằng các chương trình, đề án, nhiệm vụ theo ngành, lĩnh vực.

- Các kế hoạch, chương trình hành động phải có trọng tâm, trọng điểm, sát với tình hình thực tế; thường xuyên kiểm tra, giám sát đôn đốc, bổ sung những nhiệm vụ mới đáp ứng yêu cầu của thực tiễn; đề cao tinh thần chủ động, quyết tâm, đổi mới, sáng tạo, bảo đảm chất lượng, hiệu quả, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội lần thứ nhất Đảng bộ thành phố và Nghị quyết Đại hội lần thứ nhất Đảng bộ xã, nhiệm kỳ 2025-2030 đề ra.

- Thực hiện có hiệu quả công tác cải cách hành chính; nâng cao trách nhiệm của tập thể và người đứng đầu để mọi nhiệm vụ thực hiện phải bảo đảm chất lượng, hiệu quả cao nhất. Tăng cường trách nhiệm, sự chủ động phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong triển khai thực hiện Chương trình hành động cụ thể.

2. Các chỉ tiêu cụ thể:

2.1. Mục tiêu kinh tế:

(1) Thu ngân sách trên địa bàn hằng năm tăng từ 12% trở lên (không tính tiền sử dụng đất).

(2) Hằng năm, tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn tăng bình quân từ 23,5 % trở lên; trong đó:

- Khu vực Công nghiệp - Xây dựng tăng từ 28,5%. trở lên;

- Khu vực Dịch vụ tăng từ 19,3%trở lên.

(3) Đến năm 2030, giá trị sản phẩm trên 01 ha đất trồng trọt đạt từ 160 - 200 triệu đồng.

(4) Vốn đầu tư từ nguồn ngân sách giai đoạn 2026 - 2030 đạt 150 tỷ đồng trở lên. Hằng năm, tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công đạt 100%.

(5) Số doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn: 60 doanh nghiệp. Đến năm 2030 có 120 doanh nghiệp.

(6) Số doanh nghiệp có hoạt động đổi mới, sáng tạo từ 48 doanh nghiệp trở lên.

(7) Trước năm 2030, xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

2.2. Mục tiêu xã hội

(8) Giai đoạn 2026 - 2030, thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn tăng bình quân từ 10%/năm trở lên.

(9) Đến năm 2030, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều: 0%.

(10) Hằng năm, chỉ tiêu gia đình văn hóa đạt 98 - 99%; thôn văn hóa đạt 100%.

(11) Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia: 100%.

(12) Đến năm 2030, mỗi cấp học trên địa bàn có ít nhất 01 nhà đa năng; 100% cơ sở giáo dục được trang bị ít nhất 01 phòng học thông minh.

(13) Phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%.

(14) Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội đến năm 2030 đạt 66% lực lượng lao động trong độ tuổi.

(15) Phấn đấu đến năm 2030: Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia theo Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã.

(16) Thu hút khách du lịch: 3.000 - 4.000 lượt khách/năm.

2.3. Mục tiêu môi trường

(17) Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 100%;

(18) Tỷ lệ hộ dân thực hiện phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn đạt 100%; Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt nông thôn đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 100% vào năm 2030;

2.4. Mục tiêu quốc phòng - an ninh

(19) Hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân nghĩa vụ quân sự và nghĩa vụ công an nhân dân hàng năm.

(20) Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; phấn đấu không có điểm nóng phức tạp về an ninh chính trị, khiếu kiện vượt cấp, đông người, không có trọng án xảy ra trên địa bàn xã. Tỷ lệ điều tra khám phá các loại tội phạm đạt tỷ lệ trên 80%; tỷ lệ phá án đạt 90% trở lên. Đến năm 2030, đạt "xã không ma túy".

2.5. Mục tiêu cải cách hành chính

(21) Hàng năm, tỷ lệ giải quyết thủ tục hành chính đúng hạn đạt 100%; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt 100%.

(22) Đến năm 2030, có từ 87% trở lên hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến.

(23) Chính quyền xã được công nhận đạt chuẩn "Chính quyền thân thiện".

3. Định hướng khâu đột phá:

3.1. Tập trung xây dựng nguồn nhân lực, nhất là đội ngũ cán bộ đảng viên, công chức, viên chức ngang tầm nhiệm vụ thời kỳ mới.

3.2. Quyết liệt trong công tác giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án trọng điểm;

3.3. Phát triển các khu đô thị sinh thái, tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ kết nối với các khu công nghiệp Ngũ Phúc, Tân Trào, cụm công nghiệp An Thọ và Khu Kinh tế phía Nam thành phố.

B. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Thúc đẩy tốc độ tăng trưởng kinh tế, huy động mọi nguồn lực để đầu tư cho phát triển:

1.1. Mục tiêu: Thu ngân sách trên địa bàn hàng năm tăng từ 12% trở lên (không tính tiền dử dụng đất). Vốn đầu tư từ nguồn ngân sách giai đoạn 2026-2030 đạt 150 tỷ đồng trở lên. Hàng năm, tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công đạt 100%.

1.2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu:

- Tập trung hoàn thành giải phóng mặt bằng Khu công nghiệp Ngũ Phúc, Tân Trào. Thu hút đầu tư, tập trung nguồn lực phát triển thương mại - dịch vụ vào khu công nghiệp; thu hút doanh nghiệp nhỏ và vừa mở dịch vụ thiết yếu. Phát triển các khu đô thị sinh thái, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ trên địa bàn kết nối với các khu công nghiệp Ngũ Phúc, Tân Trào, cụm công nghiệp An Thọ và Khu kinh tế phía Nam thành phố. Hình thành Trung tâm thương mại xã; dịch vụ vận chuyển, bến cảng thủy nội địa bốc dỡ hàng dời.. Tăng cường quản lý và cải cách thủ tục hành chính, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin; chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan quản lý thu, chi ngân sách; xác định rõ trách nhiệm của cán bộ, công chức, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị làm nhiệm

vụ thu ngân sách gắn với cơ chế khuyến khích, động viên, khen thưởng trong thực hiện nhiệm vụ. Tăng cường kiểm tra, giám sát ở các khu vực, lĩnh vực còn nhiều thất thu, thất thoát; xử lý nghiêm các vi phạm về quản lý thu, chi ngân sách.

- Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp tăng thu ngân sách, khai thác tốt các nguồn thu tiềm năng, tạo lập các nguồn thu bền vững, từng bước giảm phụ thuộc thu từ đất. Phấn đấu hằng năm đạt và vượt chỉ tiêu ngân sách thành phố giao. Khuyến khích, hỗ trợ, chuyển đổi các hộ kinh doanh sang hoạt động theo mô hình doanh nghiệp tư nhân theo tinh thần Nghị quyết số 68/NQ-TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 79-NQ/TW, ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước.

- Tập trung huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực, tăng cường các giải pháp huy động vốn cho đầu tư phát triển, trong đó cần tập trung huy động nguồn vốn từ ngân sách nhà nước; thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp, vốn trong dân, liên doanh, liên kết, huy động các nguồn vốn tín dụng, xã hội hóa, vốn vay và các nguồn vốn khác; sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư, nhất là vốn ngân sách, không đầu tư dàn trải, tập trung ưu tiên xây dựng các công trình trọng điểm, thiết thực phục vụ phát triển kinh tế, dân sinh… Tăng cường công tác quản lý đầu tư xây dựng theo hướng trọng tâm, trọng điểm, quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư công được phân cấp, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Tăng cường khai thác các nguồn thu, tạo lập nguồn thu mới, nhất là nguồn thu lớn có tính bền vững; rà soát, quản lý, khai thác hiệu quả các nguồn thu từ đất đai, tài nguyên khoáng sản, bất động sản thuộc sở hữu Nhà nước, các nguồn thu còn thất thu lớn.

- Thực hiện khai thác đầy đủ và hiệu quả các nguồn thu ở địa phương như: thuế, phí và lệ phí, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và các nguồn thu khác. Đẩy mạnh các giải pháp tăng thu, chống thất thu và nâng cao hiệu quả của Ban chỉ đạo chống thất thu ngân sách.

- Điều hành chi ngân sách theo hướng tiết kiệm, hiệu quả trong chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển. Chi ngân sách được sắp xếp theo trật tự ưu tiên để đảm bảo các khoản chi thực hiện chế độ chính sách theo quy định, chú trọng công tác chi an sinh xã hội và thực hiện các chính sách mới. Nghiêm túc thực hiện việc tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên.

- Tiếp tục đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách, ưu tiên bố trí các dự án, công trình trọng điểm, nhất là kết cấu hạ tầng giao thông và lĩnh vực an sinh xã hội; sử dụng có hiệu quả các nguồn chi, tránh lãng phí, thất thoát.

- Tranh thủ các nguồn lực của Trung ương, Thành phố và huy động nguồn lực tư nhân, nước ngoài, liên doanh... đầu tư vào địa phương; coi đây là nguồn lực chính, quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo nguồn thu ngân sách bền vững cho địa phương.

- Đề xuất thành phố xây dựng cơ chế, chính sách đẩy mạnh huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực xã hội, đa dạng hoá hình thức đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng.

2. Phát triển sản xuất nông nghiệp - thủy sản theo hướng hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ hữu cơ, vi sinh; xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu:

2.1. Mục tiêu: Đến năm 2030, giá trị sản phẩm trên 01ha đất trồng trọt đạt từ 160 - 200 triệu đồng. Trước năm 2030, xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

2.2. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; đẩy mạnh việc tích tụ ruộng đất, xây dựng và mở rộng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung; khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng khoa học công nghệ cao, công nghệ vi sinh; phát triển các mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác hoạt động hiệu quả để tổ chức sản xuất theo hướng liên kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm; đẩy mạnh triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

- Khai thác tiềm năng, lợi thế của xã để phát triển các ngành nghề có thế mạnh, tập trung triển khai các giải pháp ưu tiên phát triển kinh tế tư nhân theo tinh thần Nghị quyết số 68/NQ-TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị; chủ động tháo gỡ khó khăn, vướng mắc tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, hộ kinh doanh phát triển các ngành nghề thương mại, dịch vụ, kinh tế hộ gia đình.

- Đề xuất xây dựng các khu trung tâm thương mại, dịch vụ, chợ đầu mối trên địa bàn xã; tiếp tục thực hiện chuyển đổi mô hình quản lý, khai thác hệ thống chợ tại xã. Tổ chức loại hình du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch văn hoá tâm linh, du lịch trang trại gắn với nông nghiệp nông thôn... Kết nối các khu di tích của xã với các khu di tích, điểm du lịch văn hoá tâm linh, khu vui chơi giải trí của thành phố và các vùng lân cận.

- Quy hoạch, quản lý sử dụng linh hoạt và hiệu quả đất trồng lúa. Thực hiện tích tụ ruộng đất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa, đảm bảo diện tích đất trồng lúa từ 500 – 700 ha; diện tích còn lại chuyển sang trồng cây rau màu, cây ăn quả và trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản. Nghiên cứu và phát triển những giống cây trồng phù hợp với địa phương.

- Đẩy mạnh cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ, tiến bộ KHKT vào sản xuất; từng bước thu hút đầu tư phát triển nông nghiệp công nghệ cao và dịch vụ nông nghiệp; các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ hàng hoá. Phát triển sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, giá trị gia tăng cao gắn với đầu tư xây dựng các khu nông nghiệp công nghệ cao, như: vùng sản xuất rau, lúa, cây dược liệu.

- Phát triển thủy sản trở thành ngành mũi nhọn; ứng dụng khoa học kỹ thuật để nuôi thâm canh tại các vùng tập trung hiện có gắn với chế biến thủy sản; thực hiện chuyển đổi diện tích đất sâu trũng trồng lúa kém hiệu quả sang trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản theo hướng sinh thái.

- Quy hoạch, phát triển chăn nuôi tập trung theo hướng công nghiệp, khép kín, bảo vệ môi trường tại các vùng xa khu dân cư. Tăng cường công tác quản lý nhà nước

về chăn nuôi, phòng, chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi; khuyến khích phát triển các tổ hợp tác, hợp tác xã chăn nuôi; xây dựng và quản lý các cơ sở giết mổ tập trung.

- Đầu tư cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng thủy lợi, thủy lợi nội đồng phục vụ sản xuất; tăng cường các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu (xâm nhập mặn, nước biển dâng…).

- Triển khai Chương trình xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2026-2031 theo hướng nâng cao chất lượng gắn với giảm nghèo bền vững, đời sống vật chất khá giả, môi trường sống an toàn, đời sống tinh thần phong phú, giữ vững bản sắc văn hoá dân tộc. Tập trung công tác giải phòng mặt bằng xây dựng các tuyến đường giao thông; lồng ghép các chương trình để hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2026-2031.

- Tập trung huy động các nguồn lực, đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đào tạo nghề cho lao động nông thôn, giải quyết việc làm, đẩy mạnh phát triển sản xuất, giảm nghèo bền vững. Không ngừng củng cố, nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM hướng tới đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, nông thôn mới thông minh.

3. Phát triển công nghiệp, xây dựng, thương mại, dịch vụ

3.1. Mục tiêu: Hàng năm, tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn tăng bình quân từ 23,5 trở lên; trong đó: Khu vực Công nghiệp - Xây dựng tăng từ 28,5% trở lên; Khu vực Dịch vụ tăng từ 19,3% trở lên. Phát triển các khu đô thị sinh thái, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ trên địa bàn kết nối với các khu công nghiệp Ngũ Phúc, Tân Trào, cụm công nghiệp An Thọ và Khu kinh tế phía Nam thành phố.

3.2. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Nghiên cứu lập quy hoạch chung xây dựng xã có tầm nhìn dài hạn, khả thi phù hợp với tiềm năng, lợi thế của địa phương trên cơ sở bám sát vào quy hoạch chung của thành phố, quy hoạch Khu kinh tế phía Nam thành phố và các quy hoạch liên quan, theo hướng các ngành kinh tế mũi nhọn của xã nằm trong chuỗi liên kết với khu vực và thành phố. Đặc biệt là quy hoạch phát triển các khu đô thị sinh thái, nhà ở xã hội, thương mại - dịch vụ phục vụ khu công nghiệp Ngũ Phúc, cụm công nghiệp An Thọ và chợ đầu mối Kiến Quốc. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác quản lý các quy hoạch, quản lý đất đai - trật tự xây dựng.

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai kế hoạch đầu tư công, đưa vào khai thác sử dụng hệ thống giao thông kết nối đồng bộ nhằm đáp ứng yêu cầu giao thông vận tải đường bộ gắn với giao thông đường thuỷ nội địa để phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ.

- Triển khai quy trình lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, xây dựng phát triển các khu nhà ở, các khu tái định cư, các khu sản xuất, kinh doanh, khu thương mại, dịch vụ bên Tỉnh lộ 354 (đối diện Khu công nghiệp Ngũ Phúc và cụm công nghiệp An Thọ);

- Tạo điều kiện thuận lợi thu hút các nhà đầu tư sử dụng công nghệ cao. Kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư xây dựng các trung tâm thương mại, chợ đầu mối tại trung tâm xã.

- Xây dựng khu đô thị và nhà ở thương mại của xã dự kiến 02 vị trí với diện tích khoảng 40 ha. Thời gian thực hiện 2025-2030.

- Đề xuất với thành phố quy hoạch và xây dựng cảng đường thủy nội địa tại cửa sông Văn Úc bên Khu công nghiệp Ngũ Phúc phục vụ cho bốc dỡ hàng hoá dời với diện tích khoảng 150 ha. Thời gian thực hiện và hoàn thành giai đoạn 2025-2030.

- Xây dựng khu trung tâm thương mại tại khu vực Thôn 4 Du Lễ và thôn 5 Du Lễ đã được quy hoạch. Quy hoạch và xây dựng chợ đầu mối hải sản với tổng diện tích khoảng trên 4,0 ha. Thời gian triển khai và hoàn thành giai đoạn 2025-2030.

- Vận dụng linh hoạt các cơ chế chính sách của Trung ương, Thành phố hỗ trợ hoạt động phát triển, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, xúc tiến đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, đào tạo nghề cho lao động để làm việc trong khu công nghiệp Ngũ Phúc và Tân Trào…

4. Quy hoạch mạng lưới giao thông, phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng giao thông

4.1. Mục tiêu: Xây dựng các công trình dự án trọng điểm: Dự án xây dựng các tuyến đường kết nối từ tỉnh lộ 354 qua Khu công nghiệp Ngũ Phúc, Tân Trào, cụm công nghiệp An Thọ và Khu kinh tế phía Nam và các ga đường sắt cao tốc Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng đến đường bộ ven biển tại xã Kiến Hải. Tuyến đường sắt cao tốc Lào Cai –-Hà Nội - Hải Phòng sẽ kết nối Hải Phòng với các khu vực khác bằng cách tạo ra một tuyến vận tải hàng hóa và hành khách hiện đại, tốc độ cao, nối trực tiếp đến Cảng Lạch Huyện quốc tế, Đề nghị triển khai sớm dự án tuyến đường vài đai 3 kết nối từ cảng Đình Vũ đến Khu công nghiệp Ngũ Phúc và cụm công nghiệp An Thọ và tỉnh lộ 353 đến tỉnh lộ 361. Nâng cấp, mở rộng đường 362 kết nối tỉnh lộ 354 và đến đường bộ ven biển xã Kiến Hải; đường 362, đường 363 và các tuyến đường xã nhằm khai thác, kết nối và phát huy hiệu quả hệ thống giao thông đường ô tô cao tốc Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh, đường bộ ven biển, đường vành đai sông Văn Úc phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cấp mở rộng các cầu trên đường 362, đường 406 theo quy hoạch nhằm kết nối phát huy hiệu quả hạ tầng giao thông đường bộ đáp ứng yêu cầu vận tải cho phát triển kinh tế - xã hội.

4.2. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Quản lý và thực hiện nghiêm túc quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của xã và thành phố đến năm 2030, định hướng đến năm 2045; điều chỉnh quy hoạch mạng lưới giao thông trên địa bàn xã nhằm kết nối hệ thống giao thông với các xã giáp ranh và các khu công nghiệp Ngũ Phúc, Tân Trào, cụm công nghiệp An Thọ và Khu kinh tế phía Nam thành phố phù hợp với quy hoạch điều chỉnh Kinh tế - Xã hội thành phố đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050.

- Tập trung xây dựng và hoàn thiện các dự án giao thông trọng điểm, đặc biệt là các dự án giao thông kết nối trên địa bàn xã: Dự án xây dựng các tuyến đường kết nối từ TL 354 đi vào cửa ngõ khu công nghiệp Ngũ Phúc, Tân trào và cụm công nghiệp An Thọ đến đường bộ ven biển tại xã Kiến Hải kết nối với Khu kinh tế phía Nam và các Khu cụm công nghiệp của thành phố. Dự án xây dựng cảng đường thủy nội địa tại cửa sông Văn Úc bên Khu công nghiệp Ngũ Phúc và cụm công nghiệp An Thọ phục vụ cho bốc dỡ hàng hoá dời với diện tích khoảng 150 ha (đoạn giáp xã An Hưng), thời gian thực hiện và hoàn thành giai đoạn 2025-2030. Đề xuất thành phố điều chỉnh quy hoạch giao thông xã đảm bảo kết nối, đồng bộ, có tính chiến lược lâu dài, phù hợp với hệ thống giao thông của thành phố. Chủ động phối hợp với các Sở, ngành của thành phố trong việc lập, thẩm định, trình phê duyệt quy hoạch, báo cáo chủ trương đầu tư xây dựng dự án giao thông trọng điểm của Thành phố và xã, thời gian thực hiện và hoàn thành giai đoạn 2025-2030.

- Tranh thủ các nguồn vốn đầu tư nâng cấp các công trình thủy lợi, đê điều, các tuyến giao thông, hạ tầng kỹ thuật vùng sản xuất, các công trình dự án vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn xã.

- Lập dự án triển khai cứng hóa 2 bờ kênh mương cấp I đoạn từ UBND xã Nghi Dương đến trụ sở Công an xã Nghi Dương.

5. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, sử dụng các nguồn lực về đất đai, bảo vệ môi trường, tài nguyên nước, khoáng sản:

5.1. Mục tiêu: Quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn lực về đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản. Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 100%; Tỷ lệ hộ dân thực hiện phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn đạt 100%; Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt nông thôn đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 100% vào năm 2030;

5.2. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ công tác quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản theo quy định của pháp luật.

- Triển khai thực hiện hiệu quả quy hoạch sử dụng đất của xã đến năm 2030, đề xuất xây dựng triển khai Quy hoạch phát triển giao thông, công nghiệp, cảng thuỷ nội địa gắn với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2025-2030 để đáp ứng yêu cầu phát triển của xã đáp ứng yêu cầu phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện nghiêm việc công bố, công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để các tổ chức, công dân, doanh nghiệp có thể tiếp cận các thông tin, nguồn lực về đất đai.

- Tập trung thực hiện việc xây dựng, triển khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Hoàn thành công tác kiểm kê đất đai, thống kê đất đai và hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai hàng năm. Chỉ đạo hoàn thiện, lập hồ sơ quản lý quỹ đất nông nghiệp để phục vụ công tác quản lý. Chỉ đạo thực hiện công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở lần đầu, các thủ tục về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng

đất; tăng cường đấu giá quyền sử dụng đất ở, đất thương mại dịch vụ để tăng nguồn thu ngân sách. Hoàn thành cơ sở dữ liệu đất đai, số hóa hồ sơ địa chính phục vụ công tác quản lý đất đai trên địa bàn đồng bộ với cơ sở dữ liệu đất đai Quốc gia. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý đất đai, trật tự xây dựng. Tập trung giải quyết những vụ việc vi phạm tồn tại trong lĩnh vực đất đai gây dư luận trong Nhân dân.

- Chỉ đạo hoàn thiện, lập hồ sơ quản lý quỹ đất nông nghiệp để phục vụ công tác quản lý. Đẩy mạnh thực hiện công tác giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án, nhất là các dự án trọng điểm trên địa bàn và các dự án đấu giá quyền sử dụng đất.

- Quy hoạch xây dựng hệ thống thủy lợi gắn với bảo vệ nguồn tài nguyên nước ngọt và giải pháp tiêu, thoát nước trên địa bàn xã. Thực hiện công tác thu gom, xử lý nước thải bảo vệ môi trường theo Nghị quyết số 23/2013/NQ-HĐND ngày 16/12/2013 của HĐND thành phố, nhằm đáp ứng yêu cầu, phục vụ cho phát triển kinh tế, du lịch, bảo vệ nguồn nước ngọt của thành phố và môi trường. Từng bước đầu tư, xây dựng hệ thống thu gom nước thải, nước mưa tại các khu vực dân cư tập trung. Khai thác, sử dụng và bảo vệ nguồn tài nguyên nước; ngăn chặn, xử lý kịp thời những phát sinh gây ô nhiễm nguồn nước ngọt trên địa bàn; phấn đấu xây dựng địa phương "sáng, xanh, sạch đẹp và an toàn". Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 100%. Hàng năm xây dựng kế hoạch phòng ngừa và ứng phó đối với các sự cố về môi trường.

- Tập trung cao chỉ đạo công tác giải phóng mặt bằng thực hiện các công trình, dự án trọng điểm trên địa bàn, đảm bảo tiến độ theo đúng chỉ đạo của thành phố. Trước mắt, làm tốt công tác giải phóng mặt bằng để thực hiện mở rộng các tuyến đường giao thông trong chương trình xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu; dự án khu công nghiệp Tân Trào và khu công nghiệp Ngũ Phúc.

- Tuyên truyền, vận động nhân dân xây dựng hệ thống xử lý chất thải trong sản xuất, chăn nuôi, dịch vụ đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường. Triển khai việc phân loại rác thải đầu nguồn. Phấn đấu hàng năm, tỷ lệ hộ dân thực hiện phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn đạt 100%; Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt nông thôn đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 100% vào năm 2030.

- Tuyên truyền cho cán bộ, đảng viên, nhân dân và các doanh nghiệp trên địa bàn nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm trong công tác bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế, hoạt động sản xuất kinh doanh phải gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

- Bảo vệ nguồn nước sông Văn Úc và các kênh, mương; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sạch; thay đổi thói quen sử dụng phân bón hóa học và thuốc trừ sâu trong sản xuất nông nghiệp.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, chú trọng kiểm tra đột xuất, đồng thời xử lý nghiêm các tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân có hành vi vi phạm trong việc chấp hành pháp luật về đất đai, bảo vệ môi trường, khoáng sản trên địa bàn xã. Giải quyết các đơn, thư kiến nghị tranh chấp về tài nguyên và môi trường, nhất là lĩnh vực đất đai góp phần ổn định tình hình chính trị, xã hội trên địa bàn.

6. Xây dựng phát triển khu đô thị sinh thái, thương mại - dịch vụ, du lịch văn hoá tâm linh kết nối với các khu công nghiệp Ngũ Phúc, Tân Trào, cụm công nghiệp An Thọ và Khu kinh tế phía Nam thành phố:

6.1. Mục tiêu: Từ năm 2025-2030 triển khai Dự án xây dựng phát triển khu đô thị sinh thái, nghỉ dưỡng, thương mại - dịch vụ, du lịch tâm linh. Xây dựng khu Nhà ở thương mại trên địa bàn xã (khu vực xã Ngũ Phúc và xã Du Lễ cũ).

6.2. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 18/5/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh phục hồi, tăng tốc phát triển du lịch hiệu quả, bền vững; Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 26/12/2016 của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng về việc đẩy mạnh phát triển du lịch thành phố Hải Phòng giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030. Tập trung huy động các nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật tạo nên cảnh quan sinh thái, sức hút cho nhu cầu dịch vụ, du lịch, nghỉ dưỡng.

- Phối hợp với sở, ngành thành phố ưu tiên quy hoạch du lịch Nghi Dương; khảo sát công nhận các tuyến, điểm du lịch văn hoá tâm linh của xã trong các tour du lịch tâm linh chung của thành phố. Tập trung đầu tư các dự án đáp ứng yêu cầu hạ tầng kỹ thuật kinh tế - xã hội, khu di tích, hệ thống cơ sở lưu trú, khu đô thị sinh thái, khu vui chơi giải trí và các dịch vụ phục vụ phát triển du lịch bền vững.

- Thu hút đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật các khu đô thị sinh thái, tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ kết nối với các khu công nghiệp Ngũ Phúc, Tân Trào, cụm công nghiệp An Thọ và Khu kinh tế phía Nam thành phố phù hợp với tinh thần của Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 70-NQ/TW của Bộ Chính trị về bảo đảm an linh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam.

- Từng bước triển khai thực hiện dự án xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải khu dân cư. Xây dựng Nghi Dương trở thành điểm đến hấp dẫn của thành phố; giữ gìn, phát huy, quảng bá hình ảnh về những giá trí văn hóa truyền thống tốt đẹp của quê hương anh hùng; mở rộng quy mô các lễ hội truyền thống tạo điểm nhấn phát triển du lịch văn hoá tâm linh. Thu hút khách du lịch: 3.000 -4.000 lượt khách/năm.

7. Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo:

7.1. Mục tiêu: Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và hành động, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ để đột phá phát triển giáo dục và đào tạo thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị. Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo chuẩn về trình độ, năng lực theo Luật Giáo dục năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đáp ứng giảng dạy theo Chương trình giáo dục phổ thông mới; củng cố vững chắc phổ cập giáo dục; xây dựng 100% trường đạt chuẩn quốc gia, các trường đã đạt chuẩn quốc gia giữ vững

chuẩn; nâng cao chất lượng điểm thi vào 10 THPT và chất lượng, số lượng giải học sinh giỏi các cấp. Đến năm 2030, mỗi cấp học trên địa bàn có ít nhất 01 nhà đa năng; 100% cơ sở giáo dục được trang bị ít nhất 01 phòng học thông minh.

7.2. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Căn cứ vào kế hoạch phát triển giai đoạn 2025-2030, xây dựng đội ngũ nhà giáo có đủ về số lượng, cơ cấu hợp lý, bồi dưỡng đội ngũ chuẩn về trình độ và năng lực chuyên môn (bậc học mầm non 100% có bằng CĐSP, trong đó ít nhất 90% có bằng Đại học hoặc cử nhân; bậc tiểu học và THCS đạt chuẩn trình độ từ Đại học, cử nhân trở lên). Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, có bản lĩnh chính trị, có năng lực, có tính chuyên nghiệp cao. Tăng cường công tác quản lý, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giáo viên, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập.

- Triển khai công tác phổ cập hàng năm, tổ chức điều tra trẻ em, thống kê số liệu trên phần mềm phổ cập của Bộ Giáo dục và Đào tạo, công nhận xã đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 3-5 tuổi, phổ cập TH mức độ 3, phổ cập THCS mức độ 3, phổ cập xóa mù chữ mức độ 2.

- Tập trung các nguồn lực đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cho giáo dục theo hướng đồng bộ, hiện đại về quy mô, chất lượng đảm bảo chuẩn hóa các tiêu chí đến năm 2030, mỗi cấp học trên địa bàn có ít nhất 01 nhà đa năng; mỗi trường học được trang bị ít nhất 01 phòng học thông minh đảm bảo theo tiêu chuẩn. Xây dựng và duy trì 07 trường học đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch thi vào 10 và công tác tuyển chọn, bồi dưỡng học sinh giỏi ngay từ đầu các năm học. Coi trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh, công tác bồi dưỡng, đào tạo học sinh giỏi. Chỉ đạo các nhà trường thực hiện nghiêm túc việc biên soạn nội dung chương trình ôn thi phù hợp với từng đối tượng học sinh, điều kiện từng nhà trường. Chỉ đạo việc xây dựng thời khóa biểu hợp lý, đồng thời thường xuyên kiểm tra công tác bồi dưỡng học sinh giỏi thông qua dự giờ, giáo án và chất lượng học sinh đạt được. Xây dựng quy chế khen thưởng cho giáo viên, học sinh để khích lệ thầy trò cùng cố gắng. Giao học sinh về các lớp theo khả năng nhưng đảm bảo cân đối giữa các bộ môn.

8. Phát triển, nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, huy động các nguồn lực xã hội, xây dựng các thiết chế văn hóa:

8.1. Mục tiêu: Phấn đấu đến năm 2030: có từ 95 - 99% số hộ gia đình đạt danh hiệu "Gia đình văn hoá"; 100% thôn đạt tiêu chuẩn thôn văn hóa theo quy định mới; 20% dòng họ đạt dòng họ văn hoá; 75-80% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt danh hiệu cơ quan văn hóa. 100% các thôn có nhà văn hoá, điểm sinh hoạt văn hoá-thể thao hoạt động hiệu quả. 100% di tích đã xếp hạng xuống cấp được tu bổ, tôn tạo.

8.2. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Triển khai đồng bộ và thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam. Giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp

của quê hương gắn với tổ chức thực hiện có hiệu quả chỉ đạo của Trung ương và thành phố về xây dựng chủ nghĩa xã hội và con người xã hội chủ nghĩa; phấn đấu xây dựng con người Nghi Dương theo tiêu chí "Bốn tốt" của con người xã hội chủ nghĩa là: Sức khỏe tốt - Sản xuất tốt - Văn hóa tốt - Đoàn kết tốt. Tổ chức tốt các phong trào, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao; từng bước xây dựng các khu thể thao, công viên, địa điểm vui chơi, giải trí công cộng, góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho người dân. Quan tâm chỉ đạo công tác quản lý, tu bổ, phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa; công tác tôn giáo, dân tộc; nâng cấp quy mô các lễ hội truyền thống của địa phương.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền quảng bá du lịch, giới thiệu những di tích lịch sử; những lễ hội độc đáo và đặc sắc của Nghi Dương. Liên kết xây dựng tour, tuyến du lịch; giữ gìn, phát huy, quảng bá hình ảnh về những giá trị văn hóa tốt đẹp của xã; mở rộng quy mô các lễ hội truyền thống tạo điểm nhấn phát triển du lịch; phát triển du lịch văn hoá tâm linh nhằm phát huy lợi thế về hệ thống các di tích trên địa bàn xã.

- Đổi mới và nâng cao hiệu quả chỉ đạo, quản lý Nhà nước, tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch được phê duyệt; tăng cường đầu tư trong việc bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa, các di sản văn hóa phi vật thể, các cảnh quan thiên nhiên; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa.

- Phối hợp với các Sở, ngành thành phố tập trung đầu tư các dự án đáp ứng yêu cầu kỹ thuật kinh tế - xã hội, khu di tích, hệ thống cơ sở lưu trú, khu nghỉ dưỡng, khu vui chới giải trí và các dịch vụ phục vụ phát triển du lịch bền vững.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân vào khảo sát, đầu tư tại các khu, điểm du lịch trong xã; tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành để quản lý, phát triển du lịch một cách bền vững.

- Từng bước triển khai thực hiện dự án xây dựng đường bộ ven kênh cấp I kết hợp cứng hóa bờ kênh và xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải khu dân cư; thu hút đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật từng bước hình thành khu dịch vụ, khu đô thị sinh thái...).

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư, đóng góp các nguồn lực cho xây dựng và phát triển các sản phẩm du lịch; phát triển các làng nghề truyền thống, phát triển sản xuất các sản phẩm hàng hóa phục vụ du khách.

- Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất văn hóa thông tin cho các thôn dân cư nhằm từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

- Quan tâm phát hiện, bồi dưỡng và phát triển tài năng thể thao, thể thao thành tích cao; Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động thể dục thể thao các thôn dân cư.

- Kiểm tra, hướng dẫn quản lý hoạt động tại các điểm du lịch, các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch trên địa bàn xã.

9. Phát triển ngành y tế, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho nhân dân

9.1. Mục tiêu: Phấn đấu đến năm 2030: Tỷ lệ dân số tham gia BHYT đạt 100%; Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội đến năm 2030 đạt 66% lực lượng lao động trong độ tuổi; Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia theo Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã. Thực hiện một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW của Bộ chính trị.

9.2. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ dân số tham gia BHYT đạt 100%; Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội đến năm 2030 đạt 66% lực lượng lao động trong độ tuổi. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách về y tế và các lĩnh vực liên quan đến sức khỏe, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

- Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật Trạm Y tế xã đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân.

- Tổ chức thực hiện đồng bộ các đề án, chương trình về nâng cao sức khỏe và tầm vóc người dân (tập trung tiếp cận chính về: tăng cường và nâng cao sức khỏe; phòng bệnh, bảo vệ sức khỏe; chăm sóc sức khỏe, kiểm soát bệnh tật). Tiếp tục tăng cường quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm. Tăng cường công tác giáo dục, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, sức khỏe sinh sản vị thành niên, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

- Chủ động phòng, chống dịch bệnh, công tác y tế dự phòng. Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm và HIV/AIDS; triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu y tế - dân số.

- Củng cố và hoàn thiện mạng lưới Trạm y tế xã cả về cơ sở vật chất, trang thiết bị và cán bộ y tế để nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cơ bản của toàn dân, đặc biệt là của người nghèo, đối tượng chính sách.

- Nâng cao trình độ chuyên môn, phát triển các dịch vụ, kỹ thuật y tế; sử dụng có hiệu quả và khai thác hết công suất các thiết bị y tế trong chẩn đoán và điều trị tại Trạm y tế. Khuyến khích phát triển các cơ sở khám, chữa bệnh tư nhân, nhằm góp phần đẩy mạnh công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ, nâng cao y đức; xây dựng cơ sở y tế xanh - sạch - đẹp, an toàn, văn minh, hướng tới thực hiện chăm sóc toàn diện người bệnh.

- Bảo đảm cung ứng đủ thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế và trang thiết bị y tế có chất lượng với giá cả hợp lý đáp ứng nhu cầu phòng bệnh, chữa bệnh của nhân dân. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về dược, đẩy mạnh phòng, chống buôn lậu, sản xuất kinh doanh thuốc, thực phẩm chức năng và hàng hóa có nguy cơ gây hại cho sức khỏe.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, động viên đội ngũ y, bác sĩ nâng cao trình độ chuyên môn; có cơ chế khuyến khích các bác sĩ giỏi ra trường về công tác tại xã.

- Bảo đảm nguồn nhân lực cho việc khám bệnh, chữa bệnh để thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu tại Trạm y tế, theo dõi sức khỏe đến từng người dân; đào tạo nhân lực y tế theo mọi hình thức, chú trọng đào tạo bác sỹ cho Trạm y tế xã. Phấn đấu, duy trì và giữ vững trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia theo Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã.

- Hoàn thiện tổ chức bộ máy Trạm y tế xã và quản lý theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập y tế theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW, Thông tư liên tịch số 43/2025/TT-BYT ngày 15/11/2025.

10. Thực hiện có hiệu quả tiến bộ và công bằng xã hội, đảm bảo an sinh xã hội:

10.1. Mục tiêu: Không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo quốc gia giai đoạn 2025-2030; Tạo 500-700 việc làm mới/năm; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 90%. Giai đoạn 2026 - 2030, thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn tăng bình quân từ 10%/năm trở lên. Thực hiện công bằng và đảm bảo chính sách an sinh xã hội.

10.2. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Xây dựng và thực hiện có hiệu quả Chương trình giảm nghèo trên địa bàn xã. Triển khai có hiệu quả các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về cơ chế, chính sách hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở đối với hộ nghèo trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2025-2030 trên địa bàn xã. Tổ chức tuyên truyền, quán triệt Chương trình giảm nghèo đến các ban, ngành, đoàn thể các cơ quan, đơn vị và thôn dân cư. Chủ động xây dựng kế hoạch, có biện pháp phù hợp với thực tiễn, huy động các nguồn lực để giúp đỡ hộ nghèo thoát nghèo bền vững, phấn đấu năm 2026 đến năm 2030 không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo quốc gia giai đoạn 2026-2030. Triển khai có hiệu quả Đề án hỗ trợ cải thiện nhà ở cho hộ nghèo giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn xã.

- Các cơ quan, đơn vị, thôn dân cư rà soát nhu cầu; tham mưu, đề xuất các giải pháp thiết thực để phát triển các ngành nghề của xã phục vụ cho công tác đào tạo nghề; tiếp tục làm tốt công tác đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp, nông thôn, đáp ứng nhu cầu tuyển dụng vào làm việc tại các Khu công nghiệp Ngũ Phúc, Tân Trào và cụm công nghiệp An Thọ để tạo việc làm cho người lao động và kích thích công tác đào tạo nghề, nâng cao tỷ lệ qua đào tạo cho người lao động. Hỗ trợ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp mở rộng quy mô, ngành nghề sản xuất, kinh doanh nhằm tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động.

- Chăm lo thực hiện tốt chính sách người có công. Tập trung thực hiện và đẩy nhanh hoàn thành chính sách hỗ trợ cải thiện nhà ở cho người có công với cách mạng; phấn đấu đến năm 2030 các gia đình người có công trên địa bàn xã có mức sống trung bình trở lên; làm tốt công tác chăm lo, quản lý, cải tạo nghĩa trang liệt sỹ và mộ liệt sỹ; tổ chức thực hiện tốt công tác xác định danh tính liệt sỹ, mộ liệt sỹ còn thiếu thông tin.

- Thực hiện tốt công tác quản lý đối tượng bảo trợ xã hội. Thực hiện nghiêm chính sách hỗ trợ đối với đối tượng bảo trợ xã hội, quan tâm chăm sóc người cao tuổi, các đối tượng là người khuyết tật, đồng thời vận động cộng đồng chung tay hỗ trợ.

- Tập trung thực hiện tốt công tác bảo vệ bà mẹ, trẻ em và bình đẳng giới. Hàng năm xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện tháng hành động vì trẻ em; phối hợp với các cơ quan, đơn vị, đoàn thể, thôn dân cư thực hiện tốt công tác bảo vệ bà mẹ, trẻ em và bình đẳng giới; đẩy mạnh truyền thông và tăng cường công tác phòng, chống mua bán người, đặc biệt là với phụ nữ, trẻ em; tai nạn thương tích và phòng chống đuối nước ở trẻ em.

- Huy động các nguồn lực xã hội, các tổ chức tín dụng, các tổ chức chính trị - xã hội tham gia giúp đỡ người sau cai nghiện, người mãn hạn tù liên quan đến ma túy được hỗ trợ vay vốn sản xuất, tạo việc làm phù hợp. Xây dựng, nhân rộng các mô hình tiêu biểu trong kèm cặp, giúp đỡ người cai nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy, người mãn hạn tù liên quan đến ma túy tái hòa nhập cộng đồng, vươn lên phát triển kinh tế.

11. Kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh giữ vững ổn định chính trị:

11.1. Mục tiêu: Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh. Duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu, nắm chắc tình hình địa bàn, kịp thời xử lý các tình huống, không để bị động bất ngờ xảy ra, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; đấu tranh có hiệu quả với các hoạt động của các thế lực thù địch, không có điểm nóng phức tạp về an ninh chính trị, khiếu kiện vượt cấp, đông người, không có trọng án xảy ra trên địa bàn xã. Tỷ lệ điều tra khám phá các loại tội phạm đạt tỷ lệ trên 80%; tỷ lệ phá án đạt 90% trở lên. Đến năm 2030, đạt "xã không ma tuý". Tăng cường giáo dục quốc phòng toàn dân và bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về đường lối quân sự của Đảng về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Xây dựng khu vực phòng thủ xã vững mạnh toàn diện về kinh tế, chính trị, quốc phòng - an ninh. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân bảo vệ vững chắc an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

11.2. Nhiệm vụ và giải pháp:

- Lực lượng vũ trang xã duy trì thường xuyên ứng trực, sẵn sàng chiến đấu, nắm chắc tình hình, quản lý chặt chẽ đất, công trình quốc phòng và khu quân sự, tham gia tích cực nhiệm vụ phòng chống thiên tai – tìm kiếm cứu nạn, phòng cháy chữa cháy không để bị động, bất ngờ.

- Thường xuyên kiện toàn tổ chức biên chế huấn luyện lực lượng thường trực, dân quân tự vệ, dự bị động viên; diễn tập khu vực phòng thủ xã, diễn tập phòng chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, xây dựng khu vực phòng thủ xã ngày càng vững chắc.

- Tiếp tục xây dựng, cải tạo các công trình quân sự trong khu vực phòng thủ xã theo chỉ đạo và kế hoạch được thành phố phê duyệt; bảo đảm trang thiết bị, thao trường huấn luyện cho lực lượng vũ trang xã đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho các đối tượng. Hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ nghĩa vụ quân sự và nghĩa vụ công an được thành phố giao hàng năm.

- Củng cố thế trận lòng dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân và thế trận biên phòng toàn dân vững chắc; bảo đảm an toàn bí mật nhà nước, bí mật quân sự và an toàn thông tin không gian mạng.

- Thực hiện tốt công tác dân vận và chính sách hậu phương quân đội; tham gia tích cực phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc", phong trào quân đội chung sức xây dựng nông thôn mới; xây dựng địa bàn an toàn, ổn định về chính trị.

- Xây dựng và triển khai các phương án, kế hoạch đảm bảo an ninh chính trị trên các lĩnh vực, địa bàn trọng điểm phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh trấn áp quyết liệt các loại tội phạm, tệ nạn xã hội. Thực hiện nghiêm túc các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm hình sự, ma tuý; cao điểm bảo đảm TTATGT… góp phần giữ vững ANCT, TTATXH trên địa bàn xã trong mọi tình huống.

- Làm tốt công tác quản lý Nhà nước về ANTT, nắm vững địa bàn, quản lý cư trú, quản lý người nước ngoài, các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, quản lý vũ khí, VLN, CCHT; qua đó chủ động làm tốt công tác phòng ngừa tội phạm, không để xảy ra đột xuất bất ngờ.

- Chủ động phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn ma túy từ xa, từ sớm, từ địa bàn cơ sở, xây dựng cấp xã thành "pháo đài" trong công tác phòng, chống ma túy; kiên quyết không để hình thành các điểm, tụ điểm về tội phạm, tệ nạn ma túy trên địa bàn xã. Kiềm chế sự gia tăng của tội phạm và tệ nạn ma túy; phấn đấu duy trì, giữ vững số địa bàn thôn trong xã không ma túy hiện có; đồng thời, chuyển hóa xã đạt các tiêu chí địa bàn không ma túy.

- Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đến CBCS và toàn thể nhân dân trên địa bàn xã nhằm nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật trong khi thi hành nhiệm vụ của CBCS Công an xã cũng như của nhân dân trên địa bàn. Tăng cường vận động nhân dân tham gia phòng ngừa, phát hiện, tố giác và đấu tranh phòng, chống tội phạm. Duy trì, nhân rộng mô hình "3 quản, 5 giữ", tiếp tục triển khai hiệu quả mô hình "Nghi Dương 5 an" trong thời kỳ mới áp dụng công nghệ số đến từng người dân, từng xóm, từng thôn, lan tỏa đến từng doanh nghiệp, từng cơ quan, đơn vị. Với phương châm "mỗi người dân là một pháo đài", chính quyền, các doanh nghiệp trên địa bàn và người dân đã tạo nên "bức tường thành" vững chắc, giữ vững an ninh chính trị tại địa phương.

- Nâng cao vai trò trách nhiệm các cấp, các ngành trong quản lý trật tự an toàn giao thông; kiểm tra, xử lý vi phạm về giao thông đường bộ, đường thủy. Tăng cường sự phối hợp, tuyên truyền, xử lý nhằm giảm thiểu tai nạn giao thông.

- Chỉ đạo thực hiện tốt công tác PCCC và CNCH; làm tốt công tác tổ chức tuyên truyền phổ biến kiến thức, kỹ năng về PCCC. Tăng cường tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ PCCC cho lực lượng an ninh trật tự ở cơ sở; tổ chức diễn tập phương án PCCC và CNCH tại địa bàn cơ sở và các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn; tổ chức kiểm tra, hướng dẫn các cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở chấp hành nghiêm pháp luật về PCCC; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về PCCC; sẵn sàng tham gia chữa cháy và CNCH khi có yêu cầu.

- Nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của lực lượng Công an, Quân sự chính quy, đảm bảo ổn định tình hình an ninh trật tự ngay tại cơ sở.

12. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cấp chính quyền gắn với đẩy mạnh cải cách hành chính và phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia:

12.1. Mục tiêu: Nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân xã, bảo đảm quyền giám sát của nhân dân thông qua cơ quan đại diện được thực hiện có hiệu quả, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân. Đổi mới mạnh mẽ hoạt động của Ủy ban nhân dân xã, bảo đảm hoạt động của Ủy ban nhân dân xã phải làm tốt vai trò kiến tạo, thể chế hoá, tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển. Đẩy mạnh cải cách hành chính, trong đó xác định đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong chỉ đạo, điều hành, giải quyết thủ tục hành chính là khâu đột phá; xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức là nhiệm vụ trọng tâm. Thực hiện tốt mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đảm bảo thông suốt, hiệu quả; không để xảy ra tình trạng tắc nghẽn, gián đoạn, ảnh hưởng đến hoạt động công vụ, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp. Kịp thời tháo gỡ ngay các khó khăn, vướng mắc; bảo đảm đầy đủ nguồn lực (nhân lực, kinh phí) để phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp thông suốt, hiệu quả. Đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, trước hết là kiểm tra, giám sát trách nhiệm trong công tác quản lý. Hàng năm, tỷ lệ giải quyết thủ tục hành chính đúng hạn đạt 100%; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt 100%. Đến năm 2030, có từ 87% trở lên hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến. Chính quyền xã được công nhận đạt chuẩn "Chính quyền thân thiện". Chỉ số xếp hạng về cải cách hành chính nhà nước của xã Nghi Dương nằm trong tốp đầu của thành phố.

12.2. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của cấp ủy Đảng đối với hoạt động của HĐND, tạo sự thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Thường trực, các Ban và đại biểu HĐND xã. Xây dựng mối quan hệ chặt chẽ giữa thường trực HĐND với UBND, UBMTTQVN và các cơ quan liên quan khác.

- Tiếp tục đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành của UBND xã. Rà soát, bổ sung hoàn thiện quy chế làm việc của UBND xã; đề cao trách nhiệm của cá nhân người đứng đầu UBND, các Phó Chủ tịch UBND và các Ủy viên UBND trong từng lĩnh vực, từng nhiệm vụ cụ thể, "rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ kết quả, rõ trách nhiệm", không chồng chéo nhưng toàn diện, thống nhất trong chỉ đạo, điều hành.

- Xây dựng cụ thể, chi tiết, có chất lượng các Chương trình, kế hoạch thực hiện công tác cải cách hành chính; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, xây dựng Trung tâm phục vụ hành chính công xã Nghi Dương với mục tiêu nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp khi làm thủ tục hành chính, thúc đẩy xây dựng chính quyền số và nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ.

- Hàng năm, tỷ lệ giải quyết thủ tục hành chính đúng hạn đạt 100%; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt 100%. Đến năm 2030, có từ 87% trở lên hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến. Chính quyền xã được công nhận đạt chuẩn “Chính quyền thân thiện”. Chỉ số xếp hạng về cải cách hành chính nhà nước của xã Nghi Dương nằm trong tốp đầu của thành phố. Đổi mới nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng hành chính, kỹ năng tin học, ngoại ngữ… của đội ngũ cán bộ, công chức; xây dựng chính quyền số, đổi mới lề lối làm việc, phương pháp chỉ đạo, điều hành, xác định trách nhiệm của người đứng đầu, quy chế phối hợp giữa các cơ quan hành chính trong thực thi công vụ.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đổi mới công tác quản lý công chức, viên chức theo các quy định của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức. Xây dựng vị trí việc làm của công chức, viên chức phù hợp chức năng nhiệm vụ được giao làm cơ sở xây dựng kế hoạch đào tạo, tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ. Thực hiện có hiệu quả chính sách tinh giản biên chế trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp; định kỳ thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện tốt công tác giáo dục để nâng cao trách nhiệm, tính chuyên nghiệp; đổi mới nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng hành chính, kỹ năng tin học, ngoại ngữ... của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý, tạo môi trường và điều kiện cho cán bộ trong quy hoạch, cán bộ trẻ có triển vọng được rèn luyện, thử thách, bồi dưỡng kiến thức thực tiễn; chủ động chuẩn bị nguồn cán bộ kế cận đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, chất lượng nâng lên; đảm bảo sự chuyển tiếp liên tục, vững vàng giữa các thế hệ cán bộ, nhất là đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp xã. Luân chuyển cán bộ phải được tiến hành đồng bộ, gắn với các khâu khác trong công tác cán bộ như quy hoạch, nhận xét đánh giá, chính sách, bổ nhiệm, khen thưởng.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện công vụ của công chức, viên chức; thực hiện hiệu quả phương châm “giám sát phải mở rộng”, “kiểm

tra phải có trọng tâm, trọng điểm" để chủ động phòng ngừa vi phạm trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; chú trọng kiểm tra việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ đối với cán bộ theo phân cấp quản lý; tập trung giải quyết dứt điểm các vụ việc ngay từ cơ sở, xử lý nghiêm, kịp thời tập thể và cá nhân cán bộ vi phạm.

13. Đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí:

13.1. Mục tiêu: Tập trung công tác tuyên truyền, thực hiện các giải pháp phòng ngừa, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nhằm chấn chỉnh những thiếu sót trong việc thực hiện các quy định của nhà nước ở các cấp, các ngành; đồng thời phòng ngừa, phát hiện, chấn chỉnh và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật; phát hiện những thiếu sót trong cơ chế quản lý, để kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi những sơ hở bất cập trong công tác quản lý, đồng thời có biện pháp khắc phục; bảo vệ lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và công dân.

13.2. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Hoàn thành Chương trình công tác về kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

- Giải quyết kịp thời, có hiệu quả theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp thực tế đối với các vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền ngay từ khi mới phát sinh tại địa phương, phấn đấu đạt tỷ lệ trên 85%; thực hiện tốt các quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo đã có hiệu lực pháp luật, phấn đấu đạt tỷ lệ trên 90%. Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch về công tác phòng, chống tham nhũng. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về các cuộc thanh tra.

- Đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện pháp luật về tiếp dân, khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng; tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng để nâng cao hiểu biết pháp luật cho cán bộ, công chức và nhân dân.

14. Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân:

14.1. Mục tiêu: Đổi mới mạnh mẽ, toàn diện, có chiều sâu nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

14.2. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Tập trung kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật và nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã, nhất là các lĩnh vực: đầu tư công; quản lý, sử dụng đất đai; quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công; các chính sách an sinh xã hội... Thực hiện 100% các cuộc kiểm tra, giám sát theo kế hoạch hoặc đột xuất; chỉ đạo theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra. Tỷ lệ thu hồi sau thanh tra Thành phố kết luận

chỉ ra đạt từ 90% trở lên giá trị kinh tế sai phạm được cấp thẩm quyền quyết định thu hồi nộp ngân sách nhà nước.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát trách nhiệm của thủ trưởng các ngành trong việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, thiếu trách nhiệm trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo. Nắm bắt kịp thời các chủ trương, chính sách, các dự án đầu tư có tác động tới quyền lợi của người dân, dự đoán và chuẩn bị phương án, tham mưu cho cấp có thẩm quyền chủ động giải quyết khi có khiếu nại, tố cáo phát sinh. Rà soát, củng cố hồ sơ lưu trữ đầy đủ, khoa học các vụ khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài ngay tại cơ sở, tăng cường và giải quyết dứt điểm các vụ việc mới phát sinh trong kỳ và thuộc thẩm quyền. Tỷ lệ giải quyết khiếu nai, tố cáo phấn đấu đạt trên 85%; thực hiện tốt các quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo đã có hiệu lực pháp luật, phấn đấu đạt tỷ lệ trên 90%.

C. PHÂN CÔNG CHỦ TRÌ THỰC HIỆN

Có tổng số 61 nhiệm vụ, dự án trọng tâm triển khai thực hiện giai đoạn 2025-2030, trong đó:

- Phòng Kinh tế chủ trì thực hiện 36 nhiệm vụ;
- Phòng Văn hoá - Xã hội chủ trì thực hiện 14 nhiệm vụ;
- Công an xã chủ trì thực hiện 02 nhiệm vụ;
- Ban Chỉ huy Quân sự xã chủ trì thực hiện 01 nhiệm vụ;
- Văn phòng HĐND và UBND xã chủ trì thực hiện 06 nhiệm vụ;
- Trung tâm phục vụ hành chính công chủ trì thực hiện 01 nhiệm vụ;
- Trung tâm sự nghiệp công chủ trì thực hiện 01 nhiệm vụ.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

Căn cứ nội dung Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2025-2030 và nội dung Chương trình hành động này, Ủy ban nhân dân xã yêu cầu:

1- Thủ trưởng các phòng, cơ quan, đơn vị, các trường học, trạm y tế, Trưởng thôn các Thôn dân cư chủ động tổ chức quán triệt Chương trình hành động và xây dựng chương trình, kế hoạch phù hợp với tình hình của ngành, cơ quan, đơn vị và thôn dân cư.

2- Đề nghị Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức tốt việc tuyên truyền, quán triệt tới đoàn viên, hội viên, các tầng lớp Nhân dân; xây dựng kế hoạch, chương trình thực hiện; tổ chức giám sát việc thực hiện Chương trình hành động.

3- Các ban, ngành, cơ quan, đơn vị căn cứ nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch chi tiết để tổ chức thực hiện các nội dung, giải pháp có liên quan đến ngành, đơn vị mình bảo đảm hoàn thành các mục tiêu đã đề ra.

4- Giao Văn phòng HĐND và UBND xã chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc triển khai thực hiện Chương trình hành động, tham mưu thực hiện sơ kết, tổng kết, kịp thời bổ khuyết các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, định kỳ báo cáo Đảng uỷ UBND xã và Ủy ban nhân dân xã./.

Nơi nhận:
- UBND TP; } *(Báo cáo)*
- TT ĐU, HĐND xã; }
- CT, các PCT UBND xã;
- Các phòng, ban, ngành;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- CVP, PCVP;
- Các Thôn dân cư;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Ngọc